TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Hoàng Duy Thanh; 2. Ông Y Tha Mlô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Trịnh Thị Thủy T, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- **Bị đơn**: Anh Trần Minh Tr, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị Thủy T trình bày:

Chị và anh Trần Minh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, vợ chồng nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không thành. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, anh chị cũng không còn chung sống với nhau nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Trịnh Gia B – sinh ngày 01/5/2016, Trần Gia N – sinh ngày 10/3/2021. Chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Minh Tr trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị Thủy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thương yêu nhau, đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã Q, huyện C. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, quan hệ hôn nhân không thể tiếp rục nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Trịnh Gia B – sinh ngày 01/5/2016, Trần Gia N – sinh ngày 10/3/2021, anh đồng ý để chị T nuôi cả 02 con, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn anh Trần Minh Tr vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thủy T, chị Trịnh Thị Thủy T được ly hôn với anh Trần Minh Tr. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Trịnh Gia B – sinh ngày 01/5/2016, Trần Gia N – sinh ngày 10/3/2021 cho chị Trịnh Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H, xã Q, huyện C thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thủy T và anh Trần Minh Tr tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã Q, huyện C theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, chị T và anh Tr xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc; anh chị đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T và anh Tr đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể tiếp tục và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, việc chị T đề nghị được ly hôn với anh Tr là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Trịnh Thị Thủy T và anh Trần Minh Tr có 02 con chung là cháu Trần Trịnh Gia B – sinh ngày 01/5/2016, Trần Gia N – sinh ngày 10/3/2021. Chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con, anh Tr cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Tr tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thủy T được ly hôn với anh Trần Minh Tr.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Trịnh Gia B – sinh ngày 01/5/2016, Trần Gia N – sinh ngày 10/3/2021 cho chị Trịnh Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Thủy T và anh Trần Minh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Minh Tr có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014087 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar, tỉnh ĐắkLắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện C
- THADS huyện C
- UBND xã Q
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý